

Số: 1134 KH-UBND

Điện Biên, ngày 11 tháng 02 năm 2026

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 02/NQ-CP), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động triển khai thực hiện với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt và cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ tại Nghị quyết số 02/NQ-CP phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh Điện Biên năm 2026; đồng thời triển khai hiệu quả các mục tiêu đột phá theo Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 31/12/2025 của Tỉnh ủy về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2026-2030. Xác định cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm thúc đẩy tăng trưởng GRDP của tỉnh năm 2026 đạt mức trên hai con số.

- Phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Tập trung nâng cao các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS, PAPI; xây dựng nền hành chính phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Khắc phục triệt để các hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính; trọng tâm là cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh hỗ trợ các dự án trọng điểm thông qua cơ chế "luồng xanh".

- Làm căn cứ để các sở, ban, ngành, địa phương chủ động xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch hành động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện cụ thể, bảo đảm thống nhất, hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu các sở, ban, ngành và địa phương; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và quyết liệt trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Nội dung triển khai phải thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức; các mục tiêu, chỉ tiêu cần được lượng hóa cụ thể làm cơ sở theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cùng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực thi công vụ và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Phát huy vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc phối hợp cung cấp thông tin, phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp tới các cơ quan quản lý nhà nước để xem xét, tháo gỡ, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, đơn vị gắn với các chỉ tiêu, tiêu chí thành phần liên quan đến ngành, lĩnh vực và địa bàn phụ trách; bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ và rõ kết quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh phù hợp với bối cảnh trong nước và xu thế phát triển nhằm nâng cao vị thế của tỉnh. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo công khai, minh bạch, ổn định, giảm chi phí tuân thủ, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, giải phóng sức sản xuất, huy động nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ đầu tư ngoài ngân sách và tạo động lực mới cho phát triển; giảm tối đa chi phí thời gian và chi phí không chính thức cho doanh nghiệp.

2. Mục tiêu cụ thể

- Về chuyển đổi số: Phấn đấu 95% thủ tục hành chính thuộc các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc được công bố, rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa; 70% chế độ báo cáo của doanh nghiệp được thực hiện bằng phương thức điện tử. Triển khai hiệu quả cơ chế “luồng xanh” đối với các dự án trọng điểm của tỉnh; 100% thủ tục hành chính nội bộ trong cơ quan hành chính nhà nước được quản trị trên môi trường điện tử. Phấn đấu 90% thông tin, giấy tờ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ phải cung cấp một lần cho cơ quan quản lý nhà nước.

- Về Nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI): Phấn đấu tăng từ 01–02 bậc trong bảng xếp hạng PCI, đưa tỉnh Điện Biên nằm trong nhóm khá của cả nước (từ vị trí 17 trở lên); tập trung cải thiện các chỉ số thành phần như: Gia nhập thị trường, Chi phí thời gian và Thiết chế pháp lý.

- Về cải cách thủ tục hành chính: Tổ chức thực thi nghiêm túc 100% thủ tục hành chính thuộc danh mục cắt giảm tại Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 08/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; cắt giảm tối thiểu 08 ngày làm việc đối với thủ tục công bố dự án đầu tư kinh doanh; giảm từ 15-20% thời gian giải quyết hồ sơ đất đai, xây dựng cho doanh nghiệp.

- Về Cơ chế "luồng xanh": Bảo đảm giải quyết 100% hồ sơ thuộc các dự án trọng điểm đúng hạn và trước hạn. Thời gian luân chuyển hồ sơ giữa các sở, ngành trong quy trình "luồng xanh" đối với nội dung tham gia ý kiến không quá 03 ngày làm việc cho mỗi đầu mục.

- Về nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp: Phân đầu chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) đạt trên 88,87%; chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đạt 86% trở lên. Tỷ lệ cấp kết quả thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa đạt tối thiểu 80%; tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn đạt 100%; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%.

- Về phát triển doanh nghiệp: Phân đầu thành lập mới 250 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký khoảng 2.000 tỷ đồng; thành lập mới 90 hợp tác xã; có từ 20-30 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Bảo đảm 100% khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp được tiếp nhận và phản hồi xử lý kịp thời theo quy định.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ chung

- Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động của các sở, ban, ngành trong theo dõi, đánh giá và cải thiện các bộ chỉ số, chỉ tiêu được giao¹; tổ chức triển khai quyết liệt, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết của Trung ương và của tỉnh², bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy. Chủ động rà soát, cập nhật, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện; kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Tập trung tháo gỡ các rào cản pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư, thúc đẩy chuyển giao và làm chủ công nghệ tiên tiến; đổi mới công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành, nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra theo hướng giảm chồng chéo, tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh, chuyển hướng dần từ tiền kiểm sang hậu kiểm.

¹ Tại Phụ lục I, II Kế hoạch hành động số 733/KH-UBND ngày 23/2/2024 của UBND tỉnh.

² Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 31/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Tăng cường huy động sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp, các hiệp hội và chuyên gia trong việc đề xuất sáng kiến, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

2. Nhiệm vụ cụ thể: Tại phụ lục I, II, III kèm theo.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương để tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch này; xác định cải thiện môi trường kinh doanh là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện, đặc biệt đối với các nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch về cải thiện môi trường kinh doanh; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế.

- Chủ động tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về cải thiện môi trường kinh doanh thuộc phạm vi quản lý.

- Tăng cường phối hợp với các hiệp hội doanh nghiệp tổ chức đối thoại với người dân và doanh nghiệp nhằm kịp thời nắm bắt phản ánh, kiến nghị; tập trung giải quyết thực chất các khó khăn, vướng mắc. Đồng thời, đổi mới phương thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của doanh nghiệp và nhà đầu tư.

- Rà soát kế hoạch thanh tra, kiểm tra bảo đảm hiệu lực, hiệu quả; hạn chế chồng chéo, không làm phát sinh khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; định kỳ 06 tháng và hằng năm tổng hợp, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (*báo cáo 06 tháng trước ngày 20/5/2026, báo cáo năm trước ngày 20/11/2026*).

2. Đề nghị UBNDTTQ Việt Nam tỉnh Điện Biên và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân và toàn hệ thống chính trị tích cực tham gia hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã trong hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh. Phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các hành vi tiêu cực, những nhiễu, gây khó khăn, cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Chủ trì theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trên cơ sở báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, định

kỳ 06 tháng và hằng năm, Sở Tài chính chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính và Văn phòng Chính phủ theo quy định; đồng thời kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Đề nghị Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh

Chủ động phối hợp với Hội Doanh nhân trẻ, Hội doanh nhân cựu chiến binh, Hiệp hội Du lịch tỉnh, Liên minh HTX và các sở, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh đến cộng đồng doanh nghiệp. Tăng cường nắm bắt, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp, hợp tác xã; định kỳ hoặc đột xuất phản ánh, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, chỉ đạo giải quyết. Phối hợp tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách, hội thảo, tọa đàm nhằm nâng cao nhận thức, năng lực quản trị và khả năng thích ứng của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập kinh tế quốc tế. Tham gia góp ý xây dựng cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp; đề xuất sáng kiến, giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Vận động doanh nghiệp thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, nâng cao đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh; yêu cầu các sở, ngành tỉnh, địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính;
- Liên đoàn TM và Công nghiệp Việt Nam (VCCI);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh ĐB;
- UBMTTQ và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh (ph/h);
- Các HHDN trên địa bàn tỉnh;
- Báo và PTTH Điện Biên;
- Cổng thông tin tỉnh Điện Biên;
- Các sở, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Văn Lương



PHỤ LỤC I

Phân công các sở, ngành chủ trì, đầu mối theo dõi các bộ chỉ số
(Kèm theo Kế hoạch số 1136/KH-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh)

STT	Bộ chỉ số	Cơ quan chủ trì, đầu mối theo dõi	Thời gian
1	Chỉ số cải cách hành chính (PAR index)	Sở Nội vụ	Thường xuyên
2	Chỉ số Hải lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS)	Sở Nội vụ	Thường xuyên
3	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Điện Biên	Thường xuyên

Trong đó: Trong năm 2026, cơ quan chủ trì, đầu mối theo dõi các bộ có trách nhiệm tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành chương trình hành động đảm bảo theo thời gian công bố, phù hợp về nội dung các bộ chỉ số, chỉ tiêu của năm được trung ương công bố và đặc điểm, tình hình của tỉnh. Đảm bảo rõ đơn vị chủ trì các chỉ số/chỉ tiêu, đơn vị thực hiện, chủ trì đánh giá, thay thế cho nội dung nhiệm vụ tại Kế hoạch hành động số 733/KH-UBND.

Phụ lục II
Chỉ tiêu nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong
thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công năm 2026
(Kèm theo Kế hoạch số 1136/KH-UBND ngày 11/01/2026 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Cơ quan chỉ trì theo dõi, đánh giá
1	Tỉ lệ cấp kết quả thủ tục hành chính điện tử	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư Pháp
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	Tối thiểu 80	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư Pháp
3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư Pháp
4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	Tối thiểu 90	Các sở, ban, ngành, địa phương	Sở Tư Pháp

Trong đó: Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan, các cơ quan, đơn vị thực hiện thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện.

Phụ lục III

Nhiệm vụ cụ thể của các sở, ban, ngành tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2026 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2026 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Kèm theo Kế hoạch số *1136* /KH-UBND ngày *11* /02/2026 của UBND tỉnh)

STT	Nhiệm vụ	Sản phẩm/ kết quả	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I. Tháo gỡ bất cập pháp lý trong thực hiện dự án đầu tư					
1	Rà soát, tháo gỡ các rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do quy định pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý; ban hành văn bản hướng dẫn hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vướng mắc vượt thẩm quyền	Danh mục vướng mắc pháp lý; văn bản hướng dẫn, kiến nghị xử lý được ban hành	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Sở Tư pháp, Sở Tài chính	Hàng năm
2	Thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư kinh doanh; kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo quy định	Báo cáo rà soát, kiến nghị hoàn thiện pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
3	Khắc phục hạn chế trong phối hợp liên ngành; xử lý bất cập trong quản lý nhà nước về đầu tư, đất đai, xây dựng, tài nguyên và môi trường; phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền	Quy chế, phương án phối hợp; giảm chồng chéo, kéo dài thủ tục	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tư pháp và các sở, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Hỗ trợ, giải quyết kịp thời kiến nghị của doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhất là dự án ngoài ngân sách; nâng cao phối hợp	Kiến nghị doanh nghiệp, nhà đầu tư được xử lý đúng hạn	Trung tâm XTĐT, TMDL	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm

	trong giải quyết thủ tục đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng đất				
5	Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đối thoại doanh nghiệp; đa dạng hóa kênh tiếp nhận, xử lý thông tin, vướng mắc	Hội nghị đối thoại; báo cáo tổng hợp, xử lý kiến nghị	Trung tâm XTĐT, TMDL	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
6	Củng cố quan hệ chính quyền – doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp, người dân trong thực hiện thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp, nhà đầu tư được nâng cao	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
7	Đôn đốc, hướng dẫn rà soát quy định đầu tư kinh doanh; cập nhật kịp thời văn bản QPPL lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Văn bản QPPL được cập nhật đầy đủ, kịp thời	Sở Tư pháp	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm

II. Nâng cao chất lượng cải cách danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh

8	Rà soát danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; kiến nghị đưa ra khỏi danh mục đối với các ngành, nghề có thể áp dụng biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn	Báo cáo rà soát; kiến nghị điều chỉnh danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	Các sở quản lý chuyên ngành	Sở Tư pháp	Hàng năm
9	Rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi, không rõ ràng hoặc không có cơ sở khoa học	Danh mục điều kiện kinh doanh được kiến nghị bãi bỏ	Các sở quản lý chuyên ngành	Sở Tư pháp	Hàng năm
10	Đối với các điều kiện kinh doanh không còn phù hợp thực tiễn, kiến nghị sửa đổi,	Phương án sửa đổi, đơn giản hóa điều	Các sở quản lý chuyên ngành	Sở Tư pháp	Hàng năm

	đơn giản hóa theo hướng tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ, không can thiệp sâu vào hoạt động của doanh nghiệp	kiện kinh doanh			
11	Rà soát các loại chứng chỉ trong hoạt động đầu tư kinh doanh; kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các chứng chỉ trùng lặp về nội dung	Danh mục chứng chỉ được kiến nghị bãi bỏ, đơn giản hóa	Các sở quản lý chuyên ngành	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	Hàng năm
12	Cập nhật, công khai và thông tin kịp thời đến doanh nghiệp về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và các điều kiện kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý	Danh mục, điều kiện kinh doanh được công khai, cập nhật đầy đủ	Các sở quản lý chuyên ngành	Sở Tài chính, Sở Tư pháp	Thường xuyên
III. Tháo gỡ các điểm nghẽn, xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút, chuyển giao, làm chủ công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến					
13	Rà soát, tham mưu tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về thể chế, chính sách phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Báo cáo rà soát; kiến nghị, đề xuất tháo gỡ điểm nghẽn	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp	Hàng năm
14	Xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư từ các tập đoàn lớn, sử dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp thu, chuyển giao công nghệ	Cơ chế, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Hàng năm
15	Thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến, nhất là trong lĩnh vực công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo; đơn giản hóa thủ tục hành chính trong	Nhiệm vụ KH&CN được triển khai; TTHC được đơn giản hóa	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm

	quản lý, triển khai nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
16	Triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo và Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh	Kết quả, thứ hạng các chỉ số được cải thiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
17	Tổ chức triển khai Kế hoạch số 2185/KH-UBND ngày 20/5/2025 thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP và Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Thường xuyên
18	Tiếp tục triển khai Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia; hỗ trợ hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tiềm năng	Doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	Hàng năm
19	Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; thực hiện Đề án đổi mới hoạt động đo lường	Doanh nghiệp được hỗ trợ nâng cao năng suất, chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
20	Thực hiện Đề án triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh	Nhiệm vụ, giải pháp về sở hữu trí tuệ được triển khai	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Sở Công Thương	Hàng năm
21	Triển khai Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên	Nhiệm vụ chuyển giao công nghệ được thực hiện	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm

IV. Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa và triển khai hiệu quả cổng thông tin một cửa quốc gia					
22	Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo hướng áp dụng quản lý rủi ro, đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC	Báo cáo rà soát; kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định	Sở Công Thương	Sở Tư pháp, Chi Cục Hải quan khu vực VII	Hàng năm
23	Nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm chính sách hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm	Mô hình, quy trình quản lý rủi ro được áp dụng	Sở Công Thương	Sở Tư pháp, Chi Cục Hải quan khu vực VII, Ban Chỉ huy bộ đội Biên phòng	Hàng năm
24	Tăng cường thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau thông quan, lưu thông hàng hóa trên thị trường; áp dụng quản lý rủi ro, giảm kiểm tra đối với doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật	Kế hoạch, kết quả thanh tra, kiểm tra sau thông quan	Sở Công Thương	Sở Tư pháp, Chi Cục Hải quan khu vực VII, Ban Chỉ huy bộ đội Biên phòng	Hàng năm
25	Nâng cấp, hoàn thiện và triển khai hiệu quả thủ tục điện tử trên Cổng thông tin một cửa quốc gia và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	Thủ tục điện tử được triển khai đồng bộ, hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	2026-2030
V. Cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng quy định và hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính					
26	Tham mưu xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, quy định kinh doanh; đẩy mạnh	Văn bản QPPL được ban hành, sửa đổi; phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC	Sở Tư pháp, Trung tâm phục vụ hành chính công	Các sở, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm

	phân cấp trong giải quyết TTHC	được phê duyệt			
27	Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy nhanh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tái sử dụng dữ liệu đã số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin	Hồ sơ, kết quả TTHC được số hóa; dữ liệu được kết nối, chia sẻ	Trung tâm phục vụ hành chính công	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành liên quan	Hàng năm
28	Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình TTHC và dịch vụ công trực tuyến; ưu tiên xây dựng, tích hợp các nhóm dịch vụ công trực tuyến liên thông, cung cấp ở mức độ toàn trình	Quy trình TTHC được tái cấu trúc; dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp	Trung tâm phục vụ hành chính công	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
29	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thực hiện giải quyết TTHC; đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức	Kế hoạch đào tạo; cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm phục vụ hành chính công; các sở, ngành liên quan	Hàng năm
30	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin; tăng cường kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến	Hạ tầng CNTT được nâng cấp; hệ thống thông tin vận hành an toàn, hiệu quả	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương	2026-2030
VI. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh					
31	Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; đẩy mạnh tư vấn, đào tạo theo nhu cầu về tái cấu trúc, tài chính, nhân	Chương trình tư vấn, đào tạo; doanh nghiệp được hỗ trợ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hiệp hội doanh nghiệp; Trung tâm XTĐT, TM&DL, Sở Tài chính	Hàng năm

	sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị				
32	Phát triển đa dạng, hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung; tăng cường tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp	Mạng lưới dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp được hình thành, vận hành	Trung tâm XTĐT, TM&DL; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2030
33	Cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại, kết nối giao thương; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận hệ thống bán lẻ hiện đại và sàn thương mại điện tử	Chương trình xúc tiến thương mại; doanh nghiệp tham gia hệ thống phân phối, TMĐT	Trung tâm XTĐT, TM&DL	Sở Công Thương; Hiệp hội doanh nghiệp	Hàng năm
34	Tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng vệ thương mại; xây dựng, kết nối cơ sở dữ liệu về ngành hàng, thị trường, tiêu chuẩn, điều kiện nhập khẩu và các cam kết FTA	Thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ doanh nghiệp xuất nhập khẩu	Sở Công Thương	Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Trung tâm XTĐT, TM&DL; Hiệp hội doanh nghiệp	Hàng năm
35	Tuyên truyền, phổ biến các Hiệp định thương mại tự do (FTA); thực hiện nhiệm vụ thường trực Tiểu ban hội nhập quốc tế về kinh tế của tỉnh; kết nối thông tin với Bộ Công Thương	Hội nghị, tài liệu tuyên truyền; thông tin FTA được cập nhật	Sở Công Thương	Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm XTĐT, TM&DL; Hiệp hội doanh nghiệp	Hàng năm
36	Phát triển thị trường khoa học và công nghệ; triển khai Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh	Nhiệm vụ KH&CN; doanh nghiệp khởi	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm

	thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	ngành được hỗ trợ			
37	Xúc tiến, thu hút đầu tư vào nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao; tích hợp vùng trồng, vùng nuôi tập trung vào quy hoạch tỉnh	Dự án nông nghiệp công nghệ cao; vùng sản xuất tập trung	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm XTĐT, TM&DL	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm
38	Tăng cường phổ biến pháp luật, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp; tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi	Chương trình hỗ trợ pháp lý; doanh nghiệp được tư vấn	Sở Tư pháp; Trung tâm XTĐT, TM&DL	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã, Hiệp hội doanh nghiệp	Hàng năm
39	Thúc đẩy hợp tác quốc tế; vận động, kêu gọi nguồn lực nước ngoài; nâng cao hiệu quả quản lý đoàn ra, đoàn vào, quản lý người nước ngoài trên địa bàn	Chương trình hợp tác; dự án, nguồn lực quốc tế	Sở Ngoại vụ	Trung tâm XTĐT, TM&DL, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Công an tỉnh	Hàng năm
40	Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; làm đầu mối hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong chuẩn bị và triển khai dự án; cải thiện PCI, DDCI	Hoạt động xúc tiến; nhà đầu tư, doanh nghiệp được hỗ trợ	Trung tâm XTĐT, TM&DL	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
41	Tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp khai thác cơ hội từ FTA, chính sách hỗ trợ của tỉnh; phản ánh, kiến nghị tháo gỡ khó khăn; hỗ trợ DNNVV chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững	Kiến nghị doanh nghiệp được tổng hợp, xử lý; doanh nghiệp được hỗ trợ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Hàng năm
VII. Rà soát, giảm số lượng hoạt động thanh tra doanh nghiệp					
42	Rà soát, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bảo đảm trọng tâm, trọng điểm;	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm được phê duyệt	Thanh tra tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hàng năm

	tránh chồng chéo, trùng lặp, kéo dài				
43	Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, bao gồm kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa; áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro trong lựa chọn đối tượng thanh tra	Hoạt động thanh tra, kiểm tra được thực hiện đúng trọng tâm	Thanh tra tỉnh; Sở Công thương	Các sở quản lý chuyên ngành	Hàng năm
44	Giảm số lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp; không làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp	Số cuộc thanh tra, kiểm tra giảm; thời gian thanh tra được rút ngắn	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
45	Tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra nhằm hạn chế trùng lặp nội dung, đối tượng thanh tra	Cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin được thực hiện	Thanh tra tỉnh	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm
VIII. Truyền thông, công khai, minh bạch kết quả cải thiện môi trường kinh doanh					
46	Tổ chức thông tin, truyền thông; công khai, minh bạch kết quả cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính và kết quả các chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS; nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, tăng mức độ tiếp cận thông tin của người dân, doanh nghiệp.	Thông tin, kết quả cải thiện môi trường kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính và các bộ chỉ số PCI, PAR INDEX, SIPAS được công khai, cập nhật thường xuyên trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các kênh thông tin chính	Báo và PTTH tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công; các sở, ngành tỉnh; UBND các xã	Các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	Thường xuyên

		thức; Tin, bài, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông tuyên truyền về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh			
--	--	--	--	--	--